

Bản án số: 06/2024/DS-ST  
Ngày: 21- 5- 2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng thuê xe”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Quang;
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Nguyệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST- DS ngày 27/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê xe”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS, ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐHPT - DS ngày 06/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình L, sinh năm 1987; địa chỉ: số 222/71B đường Lê Văn L, ấp 3, xã Phước K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 05 đường ....., phường ..., quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (*Theo Giấy ủy quyền ngày 21/4/2024*).

- Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nguyên đơn ông Lê Đình L trình bày:

\* Giữa nguyên đơn với bị đơn ông Võ Minh T có quan hệ quen biết làm ăn với nhau thông qua dịch vụ thuê xe ô tô, vào ngày 30/11/2020, ông L và ông T có ký hợp đồng thuê xe, trong đó ông L là người cho thuê, ông T là người thuê xe. Theo đó, ông T đồng ý thuê xe ô tô Mazda 2, có biển số kiểm soát 86A-04998, với thời hạn thuê

là 01 năm, giá thuê là 9.000.000 đồng trên tháng; hai bên đã tiến hành giao nhận xe theo thỏa thuận. Thời gian đầu ông T thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe, cụ thể ông T thanh toán tiền thuê xe cho ông L đến hết tháng 4 năm 2021.

\* Tuy nhiên, kể từ ngày 15/5/2021 trở đi ông T không thực hiện đúng nội dung hợp đồng, đã nhiều lần liên lạc nhưng vẫn không tìm thấy ông T và xe ông cho ông T thuê cũng bị mất định vị, không thể xác định được vị trí xe ở đâu.

Vì vậy, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết buộc:

+ Yêu cầu thứ nhất. Chấm dứt Hợp đồng thuê xe giữa bên cho thuê ông Lê Đình L với bên thuê xe ông Võ Minh T ngày 30/11/2020 đối với tài sản thuê là 01 xe ô tô Mazda 2, biển số kiểm soát 86A-04998, thời hạn thuê là 01 năm kể từ ngày 30/11/2020 đến hết ngày 30/11/2021, giá thuê 9.000.000 đồng trên mỗi tháng.

+ Yêu cầu thứ hai. Yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 01 xe ô tô Mazda 2, biển số kiểm soát 86A-04998 theo đúng hiện trạng ban đầu khi thuê của nguyên đơn hoặc bồi thường giá trị tương đương là 640.000.000 đồng.

+ Yêu cầu thứ ba: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền thuê xe theo hợp đồng còn thiếu từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/11/2021 (06 tháng), với số tiền mỗi tháng là 9.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 54.000.000 đồng.

+ Yêu cầu thứ tư: Buộc bị đơn phải trả đầy đủ số tiền phát sinh từ ngày hết hạn hợp đồng (30/11/2021) đến thời điểm bị đơn chính thức trả xe lại cho nguyên đơn, với số tiền 800.000 đồng trên mỗi ngày.

Sau khi được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DSST ngày 09/2/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*” với những yêu cầu của ông L như đã nêu trên. Đang trong quá trình giải quyết vụ án, thì vào tháng 3 năm 2022, ông L có làm đơn tố giác đến Công an huyện Nhà Bè về việc ông T có hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đơn tố giác của ông đã được Công an huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và xác định là quan hệ pháp luật dân sự; đồng thời tại Công an huyện Nhà Bè ông Lĩnh đã rút lại đơn tố giác, với lý do ông L đã được nhận lại chiếc xe ô tô Mazda 2, biển số kiểm soát 86A-04998 và ông T có viết giấy cam kết với ông L là tới ngày 16/7/2022 sẽ thanh toán tiền thuê xe 20.000.000 đồng. Từ ngày 17/7/2022 trở đi hàng tháng ông T sẽ thanh toán 9.000.000 đồng cho đến khi đủ 100.000.000 đồng tiền thuê xe; nếu không thanh toán đúng hạn thì ông T chịu 800.000.000 đồng/ngày từ ngày 01/12/2021 đến 14/6/2022 và thêm 12.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa. Do đó, đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Tại phiên họp tiếp cận, công khai, chứng cứ ngày 26/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đình

L là ông Nguyễn N trình bày: Nguyên đơn tự nguyện xin rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Đối với yêu cầu thứ nhất và thứ hai nêu trên: Đến nay thời hạn thuê xe theo hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn đã hết vào ngày 30/11/2021, bị đơn đã trả lại xe ô tô Mazada 2, biển số kiểm soát 86A-04998 cho nguyên đơn vào ngày 14/6/2022. Do đó, nguyên đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu thứ nhất và yêu cầu thứ hai nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đình chỉ giải quyết đối với hai yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu thứ ba nêu trên: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đối với yêu cầu thứ tư: Mặc dù, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn từ ngày hết hạn hợp đồng (30/11/2021) đến thời điểm bị đơn chính thức trả xe lại cho nguyên đơn là ngày 14/6/2022, với số tiền 800.000 đồng trên mỗi ngày thể hiện tại “*giấy cam kết đề ngày 14/6/2022*”. Tuy nhiên, sau khi tính toán, cân nhắc và xem xét lại hoàn cảnh của bị đơn, nguyên đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện này, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.000.000 đồng trên mỗi tháng, tương đương với 06 tháng 15 ngày, với tổng số tiền là 58.500.000 đồng.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác, đồng thời đề nghị không tiến hành hòa giải vì bị đơn không hợp tác, không đến Tòa để thỏa thuận và xin được vắng mặt trong phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án và giữ nguyên lời trình bày tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 26/3/2024 như đã nêu trên.

*\* Bị đơn ông Võ Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng và Giấy triệu tập để Tòa án làm việc về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L, nhưng ông T không chấp hành, vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa, nên không có ý kiến của bị đơn trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả lại xe theo đúng hiện trạng ban đầu khi thuê xe và yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê xe, giữa bên cho thuê ông Lê Đình L với bên thuê xe ông Võ Minh T ngày 30/11/2020.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L. Buộc bị đơn ông Võ Minh T phải trả cho nguyên đơn ông Lê Đình L tổng số tiền 112.500.000 đồng, trong đó gồm: Khoản tiền thuê xe chưa thanh toán tính từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/11/2021 là 54.000.000 đồng và số tiền phát sinh kể từ thời điểm hết hạn hợp đồng thuê xe từ ngày 01/12/14/6/2022 là 58.500.000 đồng).

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt hợp đồng thuê xe, buộc phải trả lại xe đã thuê và thanh toán các khoản tiền thuê xe chưa trả cho nguyên đơn phát sinh theo hợp đồng thuê ngày 30/11/2020 được ký giữa nguyên đơn với bị đơn. Do đó, có cơ sở để xác định: Quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng thuê xe*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:**

Tại Hợp đồng thuê xe được ký kết giữa nguyên đơn ông Lê Đình L với bị đơn ông Võ Minh T vào ngày 30/11/2020 thể hiện: “**BÊN THUÊ XE; Ông Võ Minh T, có số căn cước công dân: 051091000131 cấp ngày 20/4/2018 và có địa chỉ thường trú: xã N, huyện T, tỉnh Q.**

Tại Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa ngày 26/12/2023: Công an xã N, huyện T cung cấp thông tin ông Võ Minh T, sinh năm 1991; có số căn cước công dân: 051091000131 cấp ngày 20/4/2018 là con của bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ H (*ông H, bà T đang sinh sống tại địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T*); trước năm 2019 ông T có sinh sống với cha, mẹ của ông tại địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T; từ năm 2019 đến nay ông T đã chuyển khẩu đi nơi khác, hiện tại ông T đang cư trú tại đâu thì địa phương không biết, vì anh T không báo.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/12/2023, giữa Tòa án với bà Nguyễn Thị T (Mẹ của ông T), bà T cho biết: từ năm 2019 đến nay ông T đi làm ăn, sinh sống ở đâu bà không rõ, thỉnh thoảng anh T có liên lạc về nhà nhưng cũng không nói rõ địa chỉ hiện nay đang ở đâu, một năm có về nhà 1 (một) đến 02 (hai) lần vào các dịp tết và giỗ chạp, cách đây khoảng 02 đến 03 năm bà có nghe anh T thuê xe để làm ăn và cho người khác thuê lại, nhưng đã bị chiếm giữ luôn, còn kết quả sự việc như thế nào bà không biết rõ.

Căn cứ vào các tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử xác định: Việc Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án dân sự nêu trên đến Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết theo thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và trường hợp của bị đơn ông Võ Minh T trong vụ án này được xem là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3]. Bị đơn ông Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4]. Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về “*Chấm dứt Hợp đồng thuê xe giữa bên cho thuê ông Lê Đình L với bên thuê xe ông Võ Minh T ngày 30/11/2020*” và nội dung khởi kiện “*yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 01 xe ô tô Mazda 2 biển số kiểm soát 86A-04998 theo đúng hiện trạng ban đầu khi thuê của nguyên đơn hoặc bồi thường giá trị tương đương là 640.000.000 đồng*”. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Và việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền thuê xe tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/6/2022 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản gốc “*Hợp đồng thuê xe ngày 30/11/2020 (Bút lục số 91,92), Giấy cam kết đề ngày 14/6/202 (Bút lục số 93)*” và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền thuê xe theo hợp đồng còn thiếu từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/11/2021 (06 tháng), với số tiền mỗi tháng là 9.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 54.000.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các Văn bản tố tụng (*Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...*) cho ông Võ Minh T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng, để bị đơn ông Võ Minh T đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Tòa án đã tiến hành thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 251/TB-TA ngày 26-3-2024 (*trong thông báo về kết quả phiên họp có thể hiện rõ các chứng cứ là “Hợp đồng thuê xe ngày 30/11/2020 (Bút lục số 91,92), Giấy cam kết đề ngày 14/6/202 (Bút lục số 93)*”, nhưng ông T vẫn không có ý kiến phản hồi gì. Do đó, ông T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong nội dung “*Hợp đồng thuê xe ngày 30/11/2020*” thể hiện rõ: tài sản thuê là 01 xe ô tô Mazda 2, có biển số kiểm soát 86A-04998; thời hạn thuê là 01 năm, số tiền thuê là 9.000.000 đồng trên tháng. Theo nguyên đơn, trình bày; Thời gian đầu

ông T thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe và đã thanh toán tiền thuê xe cho ông L đến hết tháng 4 năm 2021. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L về việc buộc bị đơn ông T phải trả số tiền thuê xe còn thiếu theo hợp đồng ngày 30/11/2020, thời gian tính từ tháng 5 năm 2021 đến ngày kết thúc hợp đồng là ngày 30/11/2021 (06 tháng), với tổng số tiền 54.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền từ ngày hết hạn hợp đồng 01/12/2021 đến thời điểm bị đơn chính thức trả xe lại cho nguyên đơn là ngày 14/6/2022 (06 tháng 15 ngày), với số tiền 9.000.000 đồng trên mỗi tháng, tổng số tiền là 58.500.000 đồng.

Theo nguyên đơn trình bày: Sau khi được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DSST ngày 09/02/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*”. Đang trong quá trình giải quyết vụ án, thì vào tháng 3 năm 2022, ông L có làm đơn tố giác đến Công an huyện Nhà Bè về việc ông T có hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tại Công an huyện Nhà Bè vào ngày 14/6/2022, ông L đã rút lại đơn tố giác, với lý do ông L đã được nhận lại chiếc xe ô tô Mazda 2, biển số kiểm soát 86A-04998 và ông T có viết giấy cam kết với ông L là tới ngày 16/7/2022 sẽ thanh toán tiền thuê xe 20.000.000 đồng. Từ ngày 17/7/2022 trở đi, hàng tháng ông T sẽ thanh toán 9.000.000 đồng cho đến khi đủ 100.000.000 đồng tiền thuê xe; nếu không thanh toán đúng hạn thì ông T chịu 800.000.000 đồng/ngày tính từ ngày 01/12/2021 đến 14/6/2022 và thêm 12.000.000 đồng.

Như vậy, theo nội dung hợp đồng thuê xe ngày 30/11/2020 thì thời gian kết thúc hợp đồng là ngày 30/11/2021, nhưng đến ngày 14/6/2022 là 06 tháng 15 ngày bị đơn mới giao trả xe lại cho nguyên đơn. Theo nội dung trong “*Giấy cam kết ngày 14/6/2022*” thể hiện: Kể từ ngày 30/11/2021 đến ngày 14/6/2022, bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 800.000 trên mỗi ngày và thêm 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản tiền từ ngày 01/12/2021 đến ngày 14/6/2022 là 58.500.000 đồng, tương đương với số tiền 9.000.000 đồng trên mỗi tháng (*theo giá thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe ngày 30/11/2020*) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L được chấp nhận toàn bộ, bị đơn ông Võ Minh T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền thuê xe chưa thanh toán kể từ ngày 30/5/2021 đến ngày 14/6/2022 là 112.500.000 đồng. Do đó, bị đơn ông Võ Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.625.000 đồng (112.500.000 đồng x 5%). Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lê Đình L số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp.

[4]. Nội dung đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với phân tích, đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 481, khoản 4 Điều 482 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần nội dung yêu cầu khởi của nguyên đơn về việc “*Chấm dứt Hợp đồng thuê xe giữa bên cho thuê ông Lê Đình L với bên thuê xe ông Võ Minh T ngày 30/11/2020*” và nội dung khởi kiện “*yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 01 xe ô tô Mazda 2, biển số kiểm soát 86A-04998 theo đúng hiện trạng ban đầu khi thuê của nguyên đơn hoặc bồi thường giá trị tương đương là 640.000.000 đồng*”.

2. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L. Bị đơn ông Võ Minh T phải trả cho nguyên đơn ông Lê Đình L tổng số tiền thuê xe chưa thanh toán trong thời gian từ ngày 30/5/2021 đến ngày 14/6/2022 theo Hợp đồng thuê xe ngày 30/11/2020 là 112.500.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Bị đơn ông Võ Minh T phải chịu 5.625.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm, hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lê Đình L số tiền 1.370.000 đồng (*Một triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0037464 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Quyền kháng cáo và thi hành án:

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND. huyện Tư Nghĩa;
- CCTHADS. huyện Tư Nghĩa;
- CCTHADS. huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tuấn**



